

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: LOGIC HỌC

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Khoa: Lý luận chính trị

Hưng Yên, năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTCQTKD ngày /2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Logic học
- Tên tiếng Anh: Logician
- Mã học phần: 006090
- Số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành: Không

2. Đối tượng áp dụng

- Môn học bắt buộc cho ngành: Không
- Môn học tự chọn cho ngành: Kinh doanh quốc tế, Kinh tế
- Trình độ: Đại học
- Hệ đào tạo: Chính quy

3. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Logic học là môn học của khoa Lý luận chính trị, đây là học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học. Nội dung môn học bao gồm 4 chương, trong đó chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn về logic học; từ chương 2 đến chương 4 trình bày những vấn đề liên quan đến logic nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, phán đoán, suy luận; các quy luật cơ bản của tư duy, phương pháp chứng minh, bác bỏ, ngụy biện.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức

Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về các hình thức, các quy tắc và quy luật của tư duy. Giúp sinh viên biết phân tích kết cấu của quá trình tư duy, chỉ ra các thao tác logic và phương pháp luận chuẩn xác để đạt được tri thức chân thực về thế giới.

4.2. Kỹ năng

Nắm vững và vận dụng tốt các thao tác logic, các quy tắc, quy luật logic, các phương pháp chứng minh, bác bỏ và ngụy biện trong quá trình tư duy. Rèn luyện thói quen tư duy rõ ràng, chính xác, liên tục, không mâu thuẫn và có căn cứ nhằm phát triển năng lực tư duy, năng lực ngôn ngữ linh hoạt, chính xác và trong sáng.

4.3. Thái độ

Có ý thức nghiêm túc đối với việc rèn luyện và phát triển năng lực tư duy linh hoạt, chính xác và có phê phán, nhằm hướng tới hình thành tư duy logic cho bản thân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

| STT | Mã CDR | Nội dung chuẩn đầu ra | CDR của CTĐT |
|--|--------|---|----------------------------|
| Về kiến thức | | | |
| 1 | CĐR1 | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản của logic học bao gồm: khái niệm, phán đoán, suy luận; các quy luật cơ bản của tư duy logic; phép chứng minh, bác bỏ, ngụ biện. | - KDQT: (1) - KT: (1) |
| 2 | CĐR2 | Hiểu được các quy tắc, các công thức suy luận; các phép quy nạp, suy diễn, các phép chứng minh, bác bỏ; biết xây dựng các giả thuyết và loại bỏ các giả thuyết. | |
| Về kỹ năng | | | |
| 3 | CĐR3 | Có kỹ năng lập luận, khả năng nghiên cứu, phân tích dữ liệu, xử lý tình huống; tư duy khoa học chính xác, có căn cứ; trình bày các lập luận khoa học, các quan điểm, tư tưởng một cách logic, ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, mạch lạc hơn. | - KDQT: (15) - KT: (13) |
| 4 | CĐR4 | Có kỹ năng tư duy, làm việc độc lập, có kiến thức môn học vững chắc, có kỹ năng tư duy và tiếp cận vấn đề, tìm được phương án tốt nhất để giải quyết vấn đề một cách độc lập. | |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ) | | | |
| 5 | CĐR5 | Góp phần hình thành tư duy linh hoạt, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần làm việc độc lập, có khả năng làm việc nhóm; có ý thức rèn luyện, kiên trì, linh hoạt, tự tin và sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học. | - KDQT: (22) - KT: (20) |
| 6 | CĐR6 | Sinh viên có năng lực phán xét, phản biện; có trách nhiệm với công việc được giao và nghề nghiệp trong tương lai. | |

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy

6.1. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm

6.2. Phương tiện giảng dạy: Máy chiếu, máy tính, đề cương bài giảng, phấn, bảng...

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kì, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh).

| Loại hình | | Nội dung đánh giá | Mô tả cách thực hiện | CDR | Trọng số |
|---------------------------|-----|--|--|--------------------------------------|----------|
| Điểm chuyên cần | | Nhận thức, thái độ tham gia lớp học | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm - Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm <p>Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên</p> | CDR 1 CDR 2 CDR5 CDR6 | 10% |
| Đánh giá quá trình | (1) | Bài kiểm tra trên lớp: 1 bài | Kiểm tra tự luận với thời gian 50 phút/ bài | CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR5 | 20% |
| | (2) | Thường xuyên: bài tập, thảo luận, thuyết trình: trung bình trung các điểm tích lũy hàng ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà hàng ngày, - Thuyết trình trong giờ xemina | CDR1 CDR3 CDR5 | |
| Điểm thi cuối kỳ | | Nội dung kiến thức môn học | Bài thi 90 phút | CDR2 CDR3 | 70% |

| | | | | | |
|--------------|--|--|--|------|-------------|
| | | | | CĐR4 | |
| | | | | CĐR5 | |
| | | | | CĐR6 | |
| Tổng: | | | | | 100% |

9. Tài liệu học tập và tham khảo

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc:

[1]. TS. Lê Thị Hạnh (2019), (chủ biên), Đề cương bài giảng môn Logic học

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Hữu Khiên (2013), Giáo trình Logic học đại cương, Nxb KHKT.

10. Thông tin giảng viên giảng dạy

10.1. Giảng viên 1

- Họ tên: Nguyễn Thị Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Tiến sĩ

- Số điện thoại: 0983424755 Email: nguyenthithuy2007gmail.com

10.2. Giảng viên 2

- Họ tên: Dư Thị Tươi

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0989616819 Email: minhthuoi.hy@gmail.com

10.3. Giảng viên 3

- Họ tên: Lưu Thị Yên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0985035163 Email: luuyen10@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

| Nội dung | Phân bổ thời gian | | | | Tổng cộng |
|--|-------------------|----------|--------------------|-----------------------|-----------|
| | Lý thuyết | Kiểm tra | Bài tập, thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu | |
| CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU LOGIC HỌC | 3 | | | 6 | 9 |
| CHƯƠNG 2: CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA LOGIC HỌC | 6 | | 3 | 18 | 27 |
| CHƯƠNG 3: NHỮNG QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY | 8 | 1 | 3 | 24 | 36 |

| | | | | | |
|---|-----------|----------|----------|-----------|-----------|
| CHƯƠNG 4: CHỨNG MINH, BẮC BỎ VÀ NGỤY BIỆN | 3 | 1 | 2 | 12 | 18 |
| Tổng cộng | 20 | 2 | 8 | 60 | 90 |

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU LOGIC HỌC

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|--|-------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | 1.1. Đối tượng, chức năng và ý nghĩa của logic học 1.1.1. Định nghĩa logic học 1.1.2. Tư duy và tư duy logic 1.1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học 1.1.4. Chức năng của logic học 1.1.5. Ý nghĩa nghiên cứu logic học | - <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i> [1]. - <i>Tài liệu tham khảo:</i> [1], [2]. | CĐR3, CĐR4, CĐR5. |
| Tự học, tự nghiên cứu | 5 | 1.2. Lịch sử phát triển của logic học 1.2.1. Thời kỳ Trung cổ 1.2.2. Thời kỳ Phục Hưng 1.2.3. Thời kỳ hiện đại | - <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i> [1] | |

CHƯƠNG 2: CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA LOGIC HỌC

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|--|---|
| Lý thuyết/ Thực hành | 6 | 2.1. Khái niệm 2.1.1. Định nghĩa khái niệm 2.1.4. Phân loại khái niệm 2.1.5. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm 2.1.6. Mở rộng và thu hẹp khái niệm 2.2. Phán đoán | - <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i> [1]. - <i>Tài liệu tham khảo:</i> [1] [2] | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5. |

| | | | | |
|-----------------------|----|---|---|-------------------------------|
| | | <p>2.2.1. Định nghĩa phán đoán</p> <p>2.2.2. Cấu trúc của phán đoán</p> <p>2.3. Suy luận</p> <p>2.3.1. Định nghĩa suy luận</p> <p>2.3.2. Cấu trúc của suy luận</p> <p>2.3.3. Các loại suy luận</p> <p>2.3.3.1. Suy luận diễn dịch</p> <p>2.3.2.2. Suy luận quy nạp</p> | | |
| Thảo luận | 3 | <p>2.1.2. Sự hình thành khái niệm</p> <p>2.1.3. Khái niệm và từ</p> <p>2.2.3. Phân loại phán đoán</p> | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc: [1].</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1] [2]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5. |
| Tự học, tự nghiên cứu | 18 | Ôn tập chương 2 | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc: [1]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5. |

CHƯƠNG 3: NHỮNG QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|---|-------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 8 | <p>3.1. Quy luật và quy luật cơ bản</p> <p>3.1.1. Quy luật</p> <p>3.1.2. Quy luật cơ bản</p> <p>3.2. Các quy luật cơ bản của tư duy</p> <p>3.2.1. Quy luật đồng nhất</p> <p>3.2.1.1. Vai trò của quy luật đồng nhất</p> <p>3.2.1.2. Nội dung của quy luật</p> <p>3.2.1.3. Công thức</p> <p>3.2.1.4. Yêu cầu của quy luật</p> <p>3.2.2. Quy luật phi mâu thuẫn</p> <p>3.2.2.1. Vai trò của quy luật</p> | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:</p> <p>[1].</p> <p>- Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. [2].</p> | CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6. |

| | | | | |
|-----------------------|----|--|---|--|
| | | <p>3.2.2.2. Nội dung của quy luật</p> <p>3.2.2.3. Công thức</p> <p>3.2.2.4. Yêu cầu của quy luật</p> <p>3.2.3. Quy luật bài trung</p> <p>3.2.3.1. Vai trò của quy luật</p> <p>3.2.3.2. Nội dung của quy luật</p> <p>3.2.3.3. Công thức của quy luật</p> <p>3.2.3.4. Yêu cầu của quy luật</p> <p>3.2.4. Quy luật có lí do đầy đủ</p> <p>3.2.4.1. Vai trò của quy luật</p> <p>3.2.4.2. Nội dung của quy luật</p> <p>3.2.4.3. Công thức của quy luật</p> <p>3.2.4.4. Yêu cầu của quy luật</p> | | |
| Kiểm tra | 1 | Bài số 1 | | |
| Thảo luận | 3 | <p>3.1. Quy luật và quy luật cơ bản</p> <p>3.1.1. Quy luật</p> <p>3.1.2. Quy luật cơ bản</p> <p>3.2.1.5. Ý nghĩa của quy luật</p> <p>3.2.2.5. Ý nghĩa của quy luật</p> | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:</p> <p>[1].</p> <p>- Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. [2].</p> | <p>CĐR3,</p> <p>CĐR4,</p> <p>CĐR5,</p> <p>CĐR6</p> |
| Tự học, tự nghiên cứu | 16 | <p>3.2.3.5. Ý nghĩa của quy luật</p> <p>3.2.4.5. Ý nghĩa của quy luật</p> | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:[1].</p> | |

CHƯƠNG 4: CHỨNG MINH, BÁC BỎ VÀ NGỤY BIỆN

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|----------------|-----------------------------|-------------------|
|---------------------------|---------|----------------|-----------------------------|-------------------|

| | | | | |
|-------------------------|----|--|--|---------------------------------|
| Lý thuyết/ Thực hành | 3 | <p>4.1. Chứng minh</p> <p>4.1.1. Định nghĩa</p> <p>4.1.2. Cấu trúc của chứng minh</p> <p>4.1.3. Các quy tắc của chứng minh</p> <p>4.2. Bác bỏ</p> <p>4.2.1. Định nghĩa</p> <p>4.2.2. Cấu trúc của bác bỏ</p> <p>4.3. Ngụy biện</p> <p>4.3.1. Định nghĩa</p> <p>4.3.2. Các hình thức ngụy biện</p> | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:[1]</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. [2]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR5, CĐR6 |
| Thảo luận | 2 | 4.1.4. Phân loại chứng minh | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:[1]</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. [2]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR5, CĐR6 |
| Kiểm tra | 1 | Bài số | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc:[1]</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. [2]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR5, CĐR6 |
| Tự học, tự nghiên cứu | 10 | Ôn tập chương 4 | <p>- Tài liệu học tập bắt buộc: [1]</p> | CĐR1, CĐR2, CĐR5, CĐR6 |

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Thu Hương

TS. Nguyễn Thị Thúy

ThS. Dư Thị Tươi

ThS. Lưu Thị Yến